TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 796/2025/DS-PT
Ngày 24-7-2025
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2025/TLPT-DS ngày 25/6/2025 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 246/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 351/2025/QĐ-PT ngày 30/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim N1, sinh năm 1961; địa chỉ: số E, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thanh X, sinh năm 1968; địa chỉ: số B, đường Y, tổ B, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A (Cục C – Bộ C1).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thanh X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Kim N1 trình bày:

Ngày 17/6/2012, bà Trần Kim N1 có cho bà Nguyễn Thanh X mượn số tiền 1.100.000.000 đồng, thời hạn 03 năm, lãi suất 02%/tháng, việc mượn tiền có lập giấy mượn tiền ngày 17/6/2012 nhưng đến thời điểm hiện tại bà X chỉ mới trả được cho bà N1 số tiền 400.000.000 đồng. Do đó, bà N1 khởi kiện yêu cầu bà X phải trả số tiền còn lại 700.000.000 đồng, bà N1 không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh X trình bày:

Giấy mượn tiền ngày 17/6/2012 do bà X viết và ký tên nhưng bà X không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà N1. Giấy mượn tiền do bà N1 yêu cầu bà X viết nhưng sau khi viết xong bà N1 không giao tiền cho bà X nên bà X không viết giấy giao nhận tiền, lý do bà N1 không cho mượn tiền là do lãi suất 02%/tháng là quá thấp, bà X cũng chưa hề có trả số tiền 400.000.000 đồng như bà N1 trình bày. Do chưa nhận tiền từ bà N1 nên bà X không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà N1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 246/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh), đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 8, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 184, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N1 đối với bị đơn bà Nguyễn Thanh X về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thanh X có trách nhiệm trả cho bà Trần Kim N1 số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thanh X phải chịu số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 17/3/2025, bị đơn bà Nguyễn Thanh X kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với lý do: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vì không có nhận tiền trong giấy mượn tiền của bà N1, giấy đã hết hiệu lực từ năm 2012, nếu bà X nợ bà N1 thì thời gian quá dài bà N1 không đi thưa bà X mà để đến nay nên bà X không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên việc hòa giải tại phiên tòa không tiến hành được.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngày 20/12/2023, nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về giao dịch vay tài sản ngày 17/6/2012, đến nay là 11 năm 06 tháng thì hợp đồng vay tài sản đã hết thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là không phù hợp, trường hợp này, bà N1 chỉ có thể kiện đòi lại tài sản thuộc quyền sở hữu của bà N1 do bà X chiếm giữ bất hợp pháp, quan hệ pháp luật tranh chấp phải được xác định là "Kiện đòi tài sản".

Bị đơn thừa nhận có ký nhận giấy vay tiền ngày 17/6/2012, đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung giấy vay tiền ngày 17/6/2012 thể hiện bà X có vay tiền của bà N1. Bị đơn cho rằng sau viết giấy nợ thì nguyên đơn không giao tiền nhưng từ đó đến nay, bị đơn không có ý kiến hay hành vi nào đối với vấn đề này. Do đó, không có cơ sở chấp nhận ý kiến trình bày của bà X. Bà N khởi kiện yêu cầu bà X trả số tiền 700.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa quan hệ pháp luật tranh chấp cho phù hợp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà N và bị đơn bà X có yêu cầu giải quyết vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 17/3/2025, bị đơn bà có đơn X kháng cáo bản án sơ thẩm, kháng cáo của bà X còn trong thời hạn quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyệt khởi kiện yêu cầu bà X trả số tiền còn lại 700.000.000 đồng trong tổng số tiền 1.100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất; chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy mượn tiền có nội dung: *"Tôi tên Nguyễn Thanh X ngụ tại số nhà B H có mượn của chị Trần Thị Kim N1 số tiền 1.100.000.000 một tỷ một trăm triệu đồng chẵn, 17/6/2012, thời gian trả nợ hết trong vòng 03 năm, lãi suất 2 phần trăm"*. Bà N trình bày, bà X chỉ mới trả được cho bà N số tiền 400.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền 700.000.000 đồng. Bà X trình bày, giấy mượn tiền ngày 17/6/2012 do bà X viết, ký tên, nhưng bà X không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà N nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét, giấy mượn tiền ngày 17/6/2012 thể hiện bà X có vay của bà N mượn số tiền 1.100.000.000 đồng, thời gian trả nợ là 03 năm. Bà N trình bày, đến thời điểm bà N khởi kiện (ngày 20/12/2023) là trên 10 năm, bà X chỉ trả được cho bà N 400.000.000 đồng. Như vậy, thời hạn yêu cầu trả nợ vay tính từ ngày 17/7/2015 đến 17/7/2018 là hết thời hạn nếu không thuộc các trường hợp quy định tại các Điều 156, 157 Bộ luật Dân sự năm 2025, đến ngày 20/12/2023 bà N khởi kiện yêu cầu bà X thanh toán số tiền 700.000.000 đồng thì đã hết thời hiệu khởi kiện, nhưng bà N vẫn có quyền khởi kiện đòi nợ gốc. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là chưa chính xác, quan hệ pháp luật trong trường hợp này là "K đòi tài sản". Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm, đã xem xét giải quyết yêu cầu của bà N nên cần điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp. Bà N cho rằng đến thời điểm hiện nay bà X trả được cho bà N số tiền 400.000.000 đồng nhưng không còn giấy tờ ghi nhận thanh toán, hiện bà X còn nợ số tiền 700.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà X có trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận việc bà N không yêu cầu tiền lãi là phù hợp, vì trường hợp này đã hết thời hiệu khởi kiện, bà N vẫn có quyền khởi kiện đòi nợ gốc, nhưng không được yêu cầu trả lãi, trừ khi có thỏa thuận khác.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn bà X là không có cơ sở chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật là "Kiện đòi tài sản".

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 158, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thanh X.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 246/2025/DS-ST ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh), như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim N1 đối với bị đơn bà Nguyễn Thanh X về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

1.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thanh X có trách nhiệm trả cho bà Trần Kim N1 số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thanh X phải chịu số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho bà Nguyễn Thanh X 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003989 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 15 – TPHCM;
- TAND khu vực 15 – TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Duyên Hằng